TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1301/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1991; nơi cư trú: khu phố 1, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H sinh năm 1983; cư trú tại: khu 2, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; bà và Nguyễn Ngọc H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường T, quận M,

Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố Thủ Đức) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 05/5/2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa bà và ông Nguyễn Ngọc H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp; Bà và ông H thường xuyên cãi vã làm cho gia đình luôn căng thẳng; ông, bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành và hiện nay cũng không còn chung sống với nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

+ Về con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc H có 01 con chung là Phạm Nguyễn Minh Đức N, sinh ngày 06/02/2011; Sau khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Tạm thời, không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có.

- Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tống đạt các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao con chung là Phạm Nguyễn Minh Đức N, sinh ngày 06/02/2011 cho bà Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời, ông Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Nguyên đơn bà Phạm Thị P khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Ngọc H có nơi cư trú tại ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai nên xác định bà Phạm Thị P là nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc H là bị đơn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn bà Phạm Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông H.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 05/5/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P, ông H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị P trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp; Ông, bà thường xuyên cãi vã làm cho gia đình luôn căng thẳng; ông, bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành và hiện cũng không còn chung sống với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng ông Nguyễn Ngọc H không có mặt; Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Ngọc H không mong muốn hàn gắn tình cảm hay tiếp tục xây dựng cuộc sống chung vợ chồng với bà Phạm Thị P; Hôn nhân của bà P, ông H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà P, ông H có 01 con chung là Phạm Nguyễn Minh Đức N, sinh ngày 06/02/2011; Hiện nay cháu N đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ; Xét yêu cầu của bà P, nguyện vọng của con chung và sự cần thiết của việc đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ; căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Phạm Nguyễn Minh Đức N, sinh ngày 06/02/2011 cho bà Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Nguyễn Minh Đức N, sinh ngày 06/02/2011 cho bà Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời ông Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Ngọc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục

con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được tính từ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002198 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Phạm Thị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Thi hành bản án của Tòa án: Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- UBND P. Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Thủ Đức;
(GCNKH số 53 ngày 05/5/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trinh